

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ
ĐÔNG ANH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 30



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đông Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Đô thị Đông Anh theo Quyết định số 491/QĐ-MTĐT ngày 05 tháng 8 năm 2015 của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105535-014 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 8 năm 2015. Ngày 20 tháng 01 năm 2017, UBND thành phố Hà Nội quyết định chuyển Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Đô thị Đông Anh thành Công ty cổ phần.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (024)3 8836 195
- Fax : (024)3 9656 249

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom rác thải không độc hại, khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Xử lý và tiêu hủy rác không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng);
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải (Chi tiết: các thiết bị chuyên dùng ngành môi trường đô thị).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Đông Anh trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2020
Ông Nguyễn Tiến Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2016
Ông Đào Đình Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2020
Ông Nguyễn Thạch Tụy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2020
Ông Hoàng Văn Đắc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2020
Ông Nguyễn Trường Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Cao Thị Huyền	Trưởng ban	Ngày 30 tháng 12 năm 2016
Bà Hoàng Thị Hiền	Thành viên	Ngày 19 tháng 4 năm 2018
Bà Võ Thanh Hoa	Thành viên	Ngày 30 tháng 12 năm 2016

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Đông	Giám đốc	Ngày 30 tháng 12 năm 2016
Ông Đào Đình Đức	Phó Giám đốc	Ngày 30 tháng 12 năm 2016
Ông Phạm Ngọc Tùng	Phó Giám đốc	Ngày 13 tháng 4 năm 2018

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CHỖ
CÓ
HẠCH
M. T
T
NG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

Chủ tịch



The image shows a red circular official stamp of Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đông Anh. The stamp contains the text: "M.S.D.N. 26267 C.T.C", "CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH", and "HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ". A blue ink signature is written across the stamp.

Nguyễn Mạnh Hùng

Ngày 17 tháng 3 năm 2021

315
NH
NG
HIỆ
DÂN
A &
H
9A

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0160/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đông Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đông Anh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2021



Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2897-2020-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.941.622.965	29.365.654.341
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	361.268.204	258.488.343
1. Tiền	111		361.268.204	258.488.343
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.020.294.280	3.846.959.168
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	8.633.277.414	3.846.959.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	387.016.866	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		20.765.545.058	24.366.557.029
1. Hàng tồn kho	141	V.4	20.765.545.058	24.366.557.029
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		794.515.423	893.649.801
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	791.945.204	868.358.663
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	2.570.219	25.291.138
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.539.477.307	23.288.370.514
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		17.511.018.298	21.263.644.194
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	17.511.018.298	21.263.644.194
<i>Nguyên giá</i>	222		43.850.846.521	43.850.846.521
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(26.339.828.223)	(22.587.202.327)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.028.459.009	2.024.726.320
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	1.028.459.009	2.024.726.320
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		49.481.100.272	52.654.024.855

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		33.681.824.302	38.746.087.175
I. Nợ ngắn hạn	310		32.724.074.302	35.730.408.947
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	4.849.507.942	5.437.422.309
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	616.909	1.087.827.889
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	5.073.316.255	3.943.291.280
4. Phải trả người lao động	314		2.629.041.343	3.901.701.727
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	4.956.807.057	2.323.776.618
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	8.506.792.135	8.284.635.271
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	6.636.774.908	10.664.536.100
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	71.217.753	87.217.753
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		957.750.000	3.015.678.228
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	957.750.000	3.015.678.228
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

498
HI
CÔ
NH
TỔ
A
TÀI
G E

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.799.275.970	13.907.937.680
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	15.799.275.970	13.907.937.680
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.668.851.886	1.668.851.886
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.130.424.084	239.085.794
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		239.085.794	239.085.794
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.891.338.290	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		49.481.100.272	52.654.024.855

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thạch Tụy

Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	58.923.922.929	48.767.628.483
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		58.923.922.929	48.767.628.483
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	47.729.389.280	39.303.237.038
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.194.533.649	9.464.391.445
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.634.116	5.467.819
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	839.254.384	1.388.369.711
Trong đó: chi phí lãi vay	23		839.254.384	1.388.369.711
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.369.836.691	7.719.245.297
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.989.076.690	362.244.256
11. Thu nhập khác	31	VI.6	269.367.000	38.068.941
12. Chi phí khác	32	VI.7	50.923.283	81.164.764
13. Lợi nhuận khác	40		218.443.717	(43.095.823)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.207.520.407	319.148.433
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	316.182.117	80.062.639
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.891.338.290	239.085.794
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.576	199
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.576	199

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thạch Tuy

Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Mạnh Hùng

002-C
NH
Y
C
T
T
V
N
N
H
P. H

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.207.520.407	319.148.433
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6	3.752.625.896	4.002.801.893
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	839.254.384	1.388.369.711
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.799.400.687	5.710.320.037
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.150.614.193)	(3.306.099.402)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.601.011.971	(4.570.305.143)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.499.745.132	3.408.648.283
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.072.680.770	1.893.770.076
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.489.276.283)	(881.821.292)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9	(128.478.803)	(100.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.000.000)	(1.014.641.969)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.188.469.281	1.139.870.590
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.6	-	(3.709.090.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	(3.709.090.909)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.12	5.150.000.000		4.100.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(11.235.689.420)		(3.452.830.588)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(6.085.689.420)</i>		<i>647.169.412</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		102.779.861		(1.922.050.907)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	258.488.343		2.180.539.250
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	361.268.204		258.488.343

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Phương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thạch Tụy

Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đông Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của công ty:

- Thu gom, xử lý rác thải không độc hại, rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu (Chi tiết: tái chế phế liệu kim loại và phi kim loại);
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng);
- Vệ sinh chung nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc, duy trì cảnh quan (Chi tiết: Thảm cỏ, cây xanh, vườn hóa);
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xây dựng khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 181 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 192 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

99
HI
CÔ
HN
TỌ
A
TÀI
G D

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

315-
NHÀ
NG T
EM H
AN VÀ
& C
HÀ N
A - T

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

002-C
VH
Y
DU HA
DU VA
01
H

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	103.188.305	132.383.622
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	258.079.899	126.104.721
Cộng	<u>361.268.204</u>	<u>258.488.343</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phòng Quản lý Đô thị huyện Đông Anh	4.954.691.000	3.098.080.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Đông Anh	2.950.441.663	-
Các khách hàng khác	728.144.751	748.879.168
Cộng	<u>8.633.277.414</u>	<u>3.846.959.168</u>

3. Phải thu ngắn hạn khác

Là khoản tiền nộp vào tài khoản của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Đông Anh theo công văn số 1528/QLDA-QLKTHT&GPMB ngày 17/12/2020 về việc xe 29C-91349 vi phạm chờ xử lý.

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.220.292	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ^(*)	20.764.324.766	-	24.366.557.029	-
Cộng	<u>20.765.545.058</u>	<u>-</u>	<u>24.366.557.029</u>	<u>-</u>

(*) Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phân khối lượng thực hiện vượt mức so với hợp đồng, đã được các cơ quan có chức năng nghiệm thu.

5. Chi phí trả trước**5a. Chi phí trả trước ngắn hạn.**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí đường bộ	64.077.712	91.162.671
Công cụ dụng cụ xuất dùng	548.411.022	215.917.652
Chi phí sửa chữa	8.525.000	-
Chi phí bảo lãnh	80.000.000	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	90.931.470	561.278.340
Cộng	<u>791.945.204</u>	<u>868.358.663</u>

5b. Chi phí trả trước dài hạn.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	604.070.557	315.800.287
Chi phí sửa chữa	415.475.769	1.541.055.461
Chi phí cải tạo trụ sở	5.188.894	167.870.572
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.723.789	-
Cộng	<u>1.028.459.009</u>	<u>2.024.726.320</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8.006.200.459	36.325.333	35.633.694.911	174.625.818	43.850.846.521
Số cuối năm	8.006.200.459	36.325.333	35.633.694.911	174.625.818	43.850.846.521
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.759.778.345	36.325.333	6.268.607.091	85.534.909	8.150.245.678
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.919.625.906	34.546.401	18.477.132.475	155.897.545	22.587.202.327
Khấu hao trong năm	447.256.317	1.778.932	3.285.772.471	17.818.176	3.752.625.896
Số cuối năm	4.366.882.223	36.325.333	21.762.904.946	173.715.721	26.339.828.223
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.086.574.553	1.778.932	17.156.562.436	18.728.273	21.263.644.194
Số cuối năm	3.639.318.236	-	13.870.789.965	910.097	17.511.018.298
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 12.255.657.200 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Thương Tín, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đông Anh và Quỹ đầu tư phát triển thành phố Hà Nội.

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cây cảnh Thân Mỹ	994.430.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Môi trường Nội Bài	549.863.450	-
Công ty TNHH Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	1.640.000.000	1.640.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Thanh Bình	230.389.532	691.673.300
Các đối tượng khác	1.434.824.960	3.105.749.009
Cộng	4.849.507.942	5.437.422.309

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Đông Anh	-	1.077.226.980
Các khách hàng khác	616.909	10.600.909
Cộng	616.909	1.087.827.889

1496
CHI
CỔ
PHẦN
HÀ NỘI
TÀI
G D

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	467.061.458	-	3.256.772.289	(3.500.133.409)	223.700.338	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.720.919	316.182.117	(128.478.803)	164.982.395	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	50.944.179	(50.944.179)	-	-
Thuế nhà đất	3.476.229.822	-	1.208.403.700	-	4.684.633.522	-
Các loại thuế khác	-	2.570.219	3.000.000	(3.000.000)	-	2.570.219
Cộng	3.943.291.280	25.291.138	4.835.302.285	(3.682.556.391)	5.073.316.255	2.570.219

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.207.520.407	319.148.433
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	50.923.283	81.164.764
- Các khoản điều chỉnh giảm	50.923.283	81.164.764
Thu nhập chịu thuế	2.258.443.690	400.313.197
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	2.258.443.690	400.313.197
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	451.688.738	80.062.639
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm^(*)	(135.506.621)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	316.182.117	80.062.639

(*) Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	341.857.057	991.878.956
Chi phí nhân công thu gom rác	188.750.000	1.281.897.662
Chi phí thuê ngoài cắt tỉa	1.781.200.000	-
Chi phí thuê ngoài máy xúc dọn dẹp	2.595.000.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	50.000.000	50.000.000
Cộng	4.956.807.057	2.323.776.618

11. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	41.131.460	191.167.782
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	712.378.763	-
Phải trả Ban quản lý Dự án huyện Đông Anh	6.793.281.912	7.096.867.489
Cổ tức phải trả	960.000.000	960.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	36.600.000
Cộng	8.506.792.135	8.284.635.271

12. Vay**12a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	743.748.600
Vay ngắn hạn Ông Nguyễn Tiến Đông ⁽ⁱ⁾	-	700.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Ông Nguyễn Tiến Đông ⁽ⁱⁱ⁾	-	43.748.600
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	6.636.774.908	9.920.787.500
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.800.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Thương Tín ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.800.000.000	1.800.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.550.000.000	3.087.300.000
Vay Ông Nguyễn Hùng Khương ^(iv)	-	500.000.000
Vay Ông Phạm Ngọc Tùng ^(v)	-	700.000.000
Vay Bà Võ Thanh Hoa ^(vi)	-	600.000.000
Vay Ông Ngô Chinh Lâm ^(vii)	-	687.300.000
Vay Bà Ngô Thị Chinh ^(viii)	-	600.000.000
Vay Ông Hoàng Văn Đắc ^(ix)	500.000.000	-
Vay Ông Nguyễn Xuân Phú ^(x)	350.000.000	-
Vay Ông Nguyễn Thạch Tuy ^(xi)	700.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V12b)	3.286.774.908	5.033.487.500
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Thương Tín ⁽ⁱⁱⁱ⁾	724.200.000	990.600.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Đông Anh ^(xii)	150.769.228	603.076.924
Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội ^(xiii)	220.760.000	883.080.000
Bà Nguyễn Thị Kim Liên ^(xiv)	712.749.340	859.063.930
Ông Nguyễn Thạch Tuy ^(xv)	671.008.000	737.132.300
Các cá nhân khác	807.288.340	960.534.346
Cộng	6.636.774.908	10.664.536.100

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ông Nguyễn Tiến Đông với lãi suất 10,5%/năm, không có tài sản đảm bảo, thời hạn 12 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Thương Tín để bổ sung vốn kinh doanh và phát hành bảo lãnh nội địa với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thỏa thuận trên cơ sở lãi suất thị trường, thời hạn vay 01 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các xe ô tô biển hiệu 29C-950.10 và 29C-965.38 (xem thuyết minh số V.6).
- (iv) Khoản vay Ông Nguyễn Hùng Khương với lãi suất 10,5%/năm, không có tài sản đảm bảo, thời hạn 12 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động.
- (v) Khoản vay Ông Phạm Ngọc Tùng với lãi suất 10,5%/năm, không có tài sản đảm bảo, thời hạn 12 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động.
- (vi) Khoản vay Bà Võ Thanh Hoa với lãi suất 10,5%/năm, không có tài sản đảm bảo, thời hạn 12 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động.
- (vii) Khoản vay Ông Ngô Chính Lâm với lãi suất 10,5%/năm, không có tài sản đảm bảo, thời hạn 12 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động.
- (viii) Khoản vay Bà Ngô Thị Chinh với lãi suất 10,5%/năm, không có tài sản đảm bảo, thời hạn 12 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động.
- (ix) Khoản vay Ông Hoàng Văn Đắc với lãi suất 10,5%/năm, không có tài sản đảm bảo, thời hạn 08 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động.
- (x) Khoản vay Ông Nguyễn Xuân Phú với lãi suất 10,5%/năm, không có tài sản đảm bảo, thời hạn 08 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động.
- (xi) Khoản vay Ông Nguyễn Thạch Tụy với lãi suất 10,5%/năm, không có tài sản đảm bảo, thời hạn 08 tháng với mục đích bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.800.000.000	3.600.000.000	-	(3.600.000.000)	1.800.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.787.300.000	1.550.000.000	-	(3.787.300.000)	1.550.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.077.236.100	-	2.057.928.228	(3.848.389.420)	3.286.774.908
Cộng	10.664.536.100	5.150.000.000	2.057.928.228	(11.235.689.420)	6.636.774.908

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	957.750.000	1.832.719.228
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Thương Tín ⁽ⁱⁱⁱ⁾	957.750.000	1.681.950.000
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Đông Anh ^(xiii)	-	150.769.228
Vay dài hạn tổ chức khác	-	220.760.000
Vay Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội ^(xiii)	-	220.760.000
Vay dài hạn các cá nhân	-	962.199.000
Vay Bà Nguyễn Thị Kim Liên ^(xiv)	-	314.712.000
Vay Ông Nguyễn Thạch Tuy ^(xv)	-	310.504.000
Vay dài hạn các cá nhân khác	-	336.983.000
Cộng	<u>957.750.000</u>	<u>3.015.678.228</u>

(ii) Khoản vay Ông Nguyễn Tiến Đông với lãi suất 10,5%/năm, không có tài sản đảm bảo, bao gồm các hợp đồng:

<u>Số hợp đồng</u>	<u>Ngày</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Thời hạn vay</u>	<u>Mục đích</u>
04/HĐ-MTĐT	01/7/2015	24.998.600	54 tháng	Bổ sung vốn cố định
02/HĐ-MTĐT	31/01/2016	18.750.000	47 tháng	Bổ sung vốn cố định

(iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Thương Tín với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thỏa thuận trên cơ sở lãi suất thị trường, được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay, bao gồm các hợp đồng sau:

<u>Số hợp đồng</u>	<u>Ngày</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Thời hạn vay</u>	<u>Mục đích</u>
LD1817600183	25/6/2018	794.400.000	36 tháng	Đầu tư bổ sung phương tiện năm 2018
LD1903100002	31/01/2019	1.878.150.000	60 tháng	Đầu tư bổ sung phương tiện năm 2019

(xii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng số 3140LAV201706661 ngày 11 tháng 12 năm 2017 với lãi suất 10%/năm, được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn 39 tháng với mục đích mua 08 xe vận chuyển thu gom rác.

(xiii) Khoản vay theo hợp đồng số 03/10.2017/HĐTD-MTĐTĐA ngày 06 tháng 10 năm 2017 với lãi suất 6,95%/năm, được thế chấp bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản, thời hạn 39 tháng với mục đích: Đầu tư hệ thống thu gom vận chuyển xử lý rác thải trên địa bàn huyện Đông Anh.

(xiv) Khoản vay Bà Nguyễn Thị Kim Liên với lãi suất 10,5%/năm, không có tài sản đảm bảo, bao gồm các hợp đồng:

<u>Số hợp đồng</u>	<u>Ngày</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Thời hạn vay</u>	<u>Mục đích</u>
12/HĐ-MTĐT	01/7/2015	24.998.600	54 tháng	Bổ sung vốn cố định
01/HĐ-MTĐT	31/01/2016	75.000.000	45 tháng	Bổ sung vốn cố định
01/HĐ-MTĐT	01/7/2017	208.333.338	36 tháng	Bổ sung vốn cố định
01/HĐ-MTĐT	01/11/2017	452.944.000	50 tháng	Bổ sung vốn cố định
01/HĐ-MTĐT	01/02/2018	412.500.000	47 tháng	Bổ sung vốn cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(xv) Khoản vay Ông Nguyễn Thạch Tụy với lãi suất 10,5%/năm, không có tài sản đảm bảo, bao gồm các hợp đồng sau:

<u>Số hợp đồng</u>	<u>Ngày</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Thời hạn vay</u>	<u>Mục đích</u>
10/HĐ-MTĐT	01/7/2015	12.500.300	56 tháng	Bổ sung vốn cố định
03/HĐ-MTĐT	31/01/2016	56.250.000	47 tháng	Bổ sung vốn cố định
03/HĐ-MTĐT	01/7/2017	125.000.000	42 tháng	Bổ sung vốn cố định
02/HĐ-MTĐT	01/11/2017	323.528.000	50 tháng	Bổ sung vốn cố định
02/HĐ-MTĐT	01/02/2018	412.500.000	47 tháng	Bổ sung vốn cố định
03/HĐ-MTĐT	01/6/2018	117.858.000	43 tháng	Bổ sung vốn cố định

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	1.832.719.228	874.969.228	957.750.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	220.760.000	220.760.000	-	-
Vay dài hạn các cá nhân	2.191.045.680	2.191.045.680	-	-
Cộng	4.244.524.908	3.286.774.908	957.750.000	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	3.426.396.152	1.593.676.924	1.832.719.228	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	1.103.840.000	883.080.000	220.760.000	-
Vay dài hạn các cá nhân	3.562.678.176	2.600.479.176	962.199.000	-
Cộng	8.092.914.328	5.077.236.100	3.015.678.228	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	1.832.719.228	-	-	(874.969.228)	957.750.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	220.760.000	-	-	(220.760.000)	-
Vay dài hạn các cá nhân	962.199.000	-	-	(962.199.000)	-
Cộng	3.015.678.228	-	-	(2.057.928.228)	957.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Các bên liên quan				743.748.600	134.236.276	877.984.876
Vay Ông Nguyễn Tiến Đông	-	-	-	743.748.600	134.236.276	877.984.876
Vay cá nhân khác	2.891.045.680	282.194.044	3.173.239.724	4.415.183.896	804.559.513	5.219.743.409
Vay Bà Trương Thị Thu Hiền	495.381.000	52.015.005	547.396.005	279.516.000	61.301.783	340.817.783
Vay Ông Nguyễn Văn Đàm	33.333.340	3.500.001	36.833.341	49.999.998	6.592.466	56.592.464
Vay Ông Phạm Văn Tuyên	228.574.000	24.000.270	252.574.270	85.713.000	24.863.115	110.576.115
Vay Ông Nguyễn Hùng Khương	-	-	-	500.000.000	93.410.959	593.410.959
Vay Ông Phạm Ngọc Tùng	-	-	-	700.000.000	130.775.342	830.775.342
Vay Bà Võ Thanh Hoa	-	-	-	600.000.000	112.093.151	712.093.151
Vay Ông Ngô Chinh Lâm	-	-	-	687.300.000	128.402.704	815.702.704
Vay Bà Ngô Thị Chinh	-	-	-	600.000.000	112.093.151	712.093.151
Vay Bà Nguyễn Thị Kim Liên	712.749.340	74.838.681	787.588.021	461.026.598	92.856.932	553.883.530
Vay Ông Đào Đình Đức	50.000.000	8.250.000	58.250.000	75.000.000	12.375.000	87.375.000
Vay Ông Nguyễn Thạch Tuy	1.371.008.000	119.590.087	1.490.598.087	376.628.300	29.794.910	406.423.210
Cộng	2.891.045.680	282.194.044	3.173.239.724	5.158.932.496	938.795.789	6.097.728.285

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	87.217.753	1.101.859.722
Chi quỹ	(16.000.000)	(1.014.641.969)
Số cuối năm	71.217.753	87.217.753

14. Vốn chủ sở hữu**14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	12.000.000.000	1.668.851.886	-	13.668.851.886
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	239.085.794	239.085.794
Số dư cuối năm trước	12.000.000.000	1.668.851.886	239.085.794	13.907.937.680
Số dư đầu năm nay	12.000.000.000	1.668.851.886	239.085.794	13.907.937.680
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	1.891.338.290	1.891.338.290
Số dư cuối năm nay	12.000.000.000	1.668.851.886	2.130.424.084	15.799.275.970

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	1.189.000.000	1.189.000.000
Ông Nguyễn Thạch Tuy	285.000.000	285.000.000
Ông Nguyễn Tiến Đông	396.000.000	396.000.000
Ông Vũ Văn Thanh	360.000.000	360.000.000
Ông Đào Đình Đức	404.000.000	404.000.000
Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội	6.120.000.000	6.120.000.000
Các cổ đông khác	5.116.000.000	5.116.000.000
Cộng	<u>12.000.000.000</u>	<u>12.000.000.000</u>

14c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.200.000	1.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.200.000</i>	<i>1.200.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.200.000	1.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.200.000</i>	<i>1.200.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ vệ sinh môi trường	45.842.572.840	36.389.467.939
Doanh thu dịch vụ khác	13.081.350.089	12.378.160.544
Cộng	<u>58.923.922.929</u>	<u>48.767.628.483</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ vệ sinh môi trường	38.412.496.214	30.585.888.297
Giá vốn dịch vụ khác	9.316.893.066	8.717.348.741
Cộng	<u>47.729.389.280</u>	<u>39.303.237.038</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn.

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.281.089.545	3.301.425.616
Chi phí đồ dùng văn phòng	315.290.821	265.689.228
Chi phí khấu hao tài sản cố định	588.731.246	615.473.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.480.004	269.508.978
Các chi phí khác	3.698.245.075	3.267.148.399
Cộng	<u>8.369.836.691</u>	<u>7.719.245.297</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ bán hồ sơ thầu	-	4.000.000
Thu từ tiền khoán dịch vụ	-	34.068.941
Tiền bồi thường	256.000.000	-
Thu nhập khác	13.367.000	-
Cộng	<u>269.367.000</u>	<u>38.068.941</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi công tác đầu thầu	-	3.200.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	77.964.764
Tiền lãi chậm nộp bảo hiểm	50.856.685	-
Chi phí khác	66.598	-
Cộng	<u>50.923.283</u>	<u>81.164.764</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.891.338.290	239.085.794
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.891.338.290	239.085.794
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.200.000	1.200.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.576</u>	<u>199</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	1.200.000	1.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>1.200.000</u>	<u>1.200.000</u>

315
NH
NG
EM
V
&
HA
A

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	315.290.821	153.479.450
Chi phí nhân công	18.051.203.180	18.664.275.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.752.625.896	4.002.801.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.312.209.189	15.797.344.546
Chi phí khác	5.065.664.622	882.026.878
Cộng	52.496.993.708	39.499.928.038

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Tiến Đông – Lãi vay phải trả	-	5.867.129

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.12.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

<u>Năm nay</u>	<u>Tiền lương</u>
Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị (từ tháng 4/2020)	126.056.320
Bà Nguyễn Thị Kim Liên - Chủ tịch Hội đồng quản trị (đến tháng 4/2020)	30.213.040
Ông Nguyễn Tiến Đông - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	152.736.000
Ông Đào Đình Đức - Thành viên Hội đồng quản trị (đến tháng 4/2020)/Phó Giám đốc	152.220.000
Ông Nguyễn Thạch Tụy - Thành viên Hội đồng quản trị (đến tháng 4/2020)	110.940.000
Bà Cao Thị Huyền - Trưởng Ban Kiểm soát	77.400.000
Bà Võ Thanh Hoa - Thành viên Ban Kiểm soát	76.663.333
Ông Phạm Ngọc Tùng - Phó Giám đốc	113.520.000
Cộng	839.748.693

002-C
ĐÔNG ANH
CÔNG TY
MÔI TRƯỜNG
ĐÔ THỊ VÀ
NỘI
TP. HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Đường 23B, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Tiền lương</u>
Năm trước	
Bà Nguyễn Thị Kim Liên - Chủ tịch Hội đồng quản trị	179.832.640
Ông Nguyễn Tiến Đông - Thành viên Hội đồng quản trị/Giám đốc	146.463.723
Ông Đào Đình Đức - Thành viên Hội đồng quản trị/Phó Giám đốc	138.734.783
Ông Nguyễn Thạch Tụy - Thành viên Hội đồng quản trị	100.036.536
Bà Cao Thị Huyền - Trưởng Ban Kiểm soát	68.184.911
Bà Võ Thanh Hoa - Thành viên Ban Kiểm soát	67.834.760
Ông Phạm Ngọc Tùng - Phó Giám đốc	103.787.646
Cộng	<u>804.875.000</u>

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Công nghiệp Môi trường 9 - Urenco 9

Công ty cùng Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

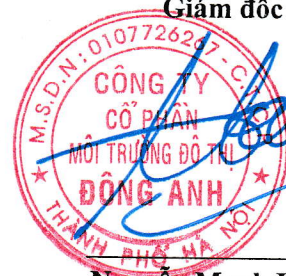
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Phương

Nguyễn Thạch Tụy

Nguyễn Mạnh Hùng

